

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHOÁNG SẢN

ĐỐI MẶT VỚI THÁCH THỨC VỀ CÔNG NGHỆ TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHAI KHOÁNG TẠI VIỆT NAM THÔNG QUA KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỚI THÔNG LỆ TỐT NHẤT ĐỂ BIẾN NGÀNH KHOÁNG SẢN CÒN NHIỀU BẤT CẬP TRỞ THÀNH MỘT PHẦN QUAN TRỌNG TRONG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Khoáng sản
Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam*

1. Giới thiệu

Việc thăm dò và khai thác những nguồn khoáng sản quý hiếm, chưa khai mở của Việt Nam, nếu được thực hiện với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sử dụng những công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế một cách hiệu quả, có trách nhiệm với môi trường, đảm bảo an toàn, sẽ tạo nên sự thay đổi quan trọng trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam, giảm gánh nợ quốc gia.

Ngành khai khoáng trước đây đã từng là một trong những nhân tố động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Điều này cũng có thể xảy ra ở Việt Nam dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú vẫn chưa được khai mở. Theo ước tính, cho đến nay, khoảng 10% nguồn tài nguyên kim loại thường và kim loại quý hiếm đã được phát hiện, tuy nhiên Việt Nam chưa thăm dò một cách có hệ thống, chưa sử dụng những công nghệ và phương pháp hiện đại để thăm dò, tìm ra những mỏ nằm sâu trong lòng đất, có trữ lượng lớn và giàu tài nguyên hơn. Ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam, chủ yếu do các công ty nhà nước và tư nhân trong nước quản lý, hiện nay chỉ tập trung vào khai thác nguồn khoáng sản năng lượng lộ thiên, dễ thăm dò hoặc nằm gần bề mặt như than, các loại quặng khác như sắt, bôxít, cát, đá vôi.

Vinacomin là doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhà nước lớn nhất cho biết, ước tính có khoảng hơn 1.500 chủ thể doanh nghiệp khai khoáng có đăng ký tại Việt Nam, trong đó khoảng 55% là công ty nhà nước, 36% là công ty tư nhân, cổ phần, hoặc Hợp tác xã, 9% còn lại là thuộc sở hữu hoặc quản lý của công ty nước ngoài.

2. Thách thức về công nghệ

Vinacomin là doanh nghiệp đầu tiên công nhận đây là thách thức mà họ, và hầu hết những doanh nghiệp khai thác khoáng sản khác ở Việt Nam hiện tại đang gặp phải, trong đó là thách thức phải đối mặt với “công nghệ lạc hậu, mức độ cơ giới hóa thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn nhân lực dồi dào nhưng năng suất thấp, sử dụng năng lượng quá mức, rủi ro an toàn vẫn ở mức cao và vấn nạn ô nhiễm môi trường”.

Nhận thức rõ được những điểm yếu này, Vinacomin đã đề ra mục tiêu ưu tiên đổi mới công nghệ qua Quyết định số 2356-TKV ngày 15 tháng 6 năm 2016. Nhóm Công tác Khoáng sản ủng hộ quyết định nâng cấp cải tiến này và chúc Vinacomin sớm đạt được mục tiêu.

Theo đó, thách thức về hiện đại hóa ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam đang gặp phải chủ yếu là về công nghệ. Tuy nhiên, những công nghệ hiện đại, đổi mới công nghệ và những quy trình tốt nhất trên thế chỉ đến với Việt Nam thông qua FDI nếu như Chính phủ đưa ra những khuyến khích để thúc đẩy đầu tư đó.

3. Lợi ích của FDI và đóng góp của ngành khai khoáng cho sự phát triển cơ sở hạ tầng và giảm tình trạng đói nghèo

Khai khoáng có trách nhiệm với môi trường áp dụng công nghệ hiện đại, điều này thường được áp dụng tại các vùng xa xôi hẻo lánh, những vùng chưa phát triển của đất nước, đã và đang được ghi nhận là một trong những nhân tố hiệu quả nhất cho việc phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp thế giới. Những vùng có mỏ thường được phát hiện tại các khu vực miền núi, đời sống kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, kém phát triển nhất, và chắc chắn Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Khai khoáng sử dụng công nghệ hiện đại không thể hoạt động hiệu quả nếu không có cơ sở hạ tầng và giao thông tốt, do đó các công ty khai khoáng có trách nhiệm bắt buộc phải đóng góp hoặc cung cấp cho việc phát triển hạ tầng đó. Một lợi ích khác mà việc khai khoáng có trách nhiệm đem lại là góp phần giảm bớt đói nghèo ở những vùng xa xôi hẻo lánh mà các công ty khai khoáng hoạt động, tạo cơ hội việc làm và sử dụng nguồn cung ứng hàng hóa dịch vụ địa phương.

4. Bất cập trong các quy định về khoáng sản & hệ lụy

Sự thiếu nhất quán của các quy định về khai thác khoáng sản ở Việt Nam và mức thu thuế tài nguyên thuộc nhóm cao nhất trên thế giới là những sự cản trở lớn cho dòng vốn đầu tư vào những công nghệ hiện đại, cải tiến theo thông lệ, tiêu chuẩn quốc tế. Hệ lụy kéo theo là sự gia tăng các hoạt động khai thác khoáng sản kém hiệu quả, lãng phí và sự xuống cấp của các nguồn tài nguyên khoáng sản cũng như môi trường tại Việt Nam, đồng thời cũng thúc đẩy tình trạng khai thác và xuất khẩu khoáng sản trái phép & trốn thuế.

Đây là hai vấn đề chính gây trở ngại cho việc thu hút FDI vào ngành khai thác khoáng sản, gây trở ngại trong việc đẩy mạnh công tác thăm dò khoáng sản có hiệu quả và hoạt động chế biến khai thác khoáng sản có áp dụng công nghệ hiện đại tiên tiến trong ngành công nghiệp khai khoáng tại Việt Nam:

4.1. Thuế tài nguyên

Mức thuế tài nguyên, thuế xuất khẩu và những khoản phí khác tại Việt Nam đang cao hơn rất nhiều so với các quốc gia khác. Bảng bên dưới là ví dụ về mức thuế suất đối với niken. Mức thuế tài nguyên với niken hiện tại là 10%, nhưng một số khoáng sản khác như vàng, vonfram có mức thuế tài nguyên còn cao hơn.

Quốc gia	Thuế xuất khẩu %	Thuế tài nguyên %	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản	Phí bảo vệ môi trường
Úc	0	2,5 – 5	Không	Không
Brazil	0	4	Không	Không
Canada ¹	0	2	Không	Không
Indonesia ²	10	4	Không	Không
Philippines	0	5	Không	Không

¹ Mức thuế tài nguyên của Canada thay đổi theo từng tỉnh. Đơn giá cơ bản về tổng mức thuế tài nguyên là 2%, ở một số tỉnh mức thuế tài nguyên chỉ được áp khi lợi nhuận đạt lên tới 16%.

² Thuế xuất khẩu của Indonesia là 10% cho quặng chưa được chế biến, hàm lượng quặng thấp. Tại Indonesian, mức thuế tài nguyên giảm còn 2% cho những quặng đã qua chế biến.

Việt Nam	20	10	Có	Có
-----------------	-----------	-----------	-----------	-----------

Nếu như chính sách thuế cao một cách phi thực tế của Việt Nam là nhằm mục đích bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước cho thế hệ tương lai hoặc để mang lại nguồn thu cho Chính phủ thì đây là một chính sách chưa hợp lý. Thay vào đó, mức thuế cao có tác động ngược lại mà khiến cho phần lớn cơ sở kinh doanh khai thác khoáng sản ở Việt Nam không có hoặc có ít lợi nhuận, dẫn đến sự đóng cửa mỏ hoặc ngừng hoạt động khai thác chế biến, trong đó phải kể đến hai cơ sở kinh doanh được đầu tư hiện đại bởi các nhà đầu tư nước ngoài ở Phúc Sơn và Bản Phúc. Và thật không may, không giống như các quốc gia giàu nguồn tài nguyên khoáng sản khác, hiện nay vẫn chưa có công ty khai khoáng quốc tế lớn nào đầu tư để thăm dò và phát triển nguồn tài sản khoáng sản Việt Nam.

Và có lẽ Núi Pháo là trường hợp duy nhất ngoại lệ, là một minh chứng điển hình về việc áp dụng thành công công nghệ hiện đại và tiêu chuẩn quốc tế vào vận hành khai thác chế biến khoáng sản của một công ty Việt Nam. Và cho đến thời điểm hiện tại, Núi Pháo là mỏ khai thác chế biến vonfram lớn nhất thế giới đem lại giá trị gia tăng tại Việt Nam nhờ tinh luyện quặng sau khi chế biến thành sản phẩm hóa chất tinh khiết trước khi xuất khẩu. Tuy nhiên, cũng giống như tất cả các công ty khai khoáng khác, khả năng sinh lời, vòng đời của dự án lại bị tác động của giá cả hàng hóa thế giới, sự thay đổi về hàm lượng quặng, và tính biến động của môi trường khai thác... thêm vào đó lại bị tác động do chính sách thuế cao... Tuy nhiên, tất cả các yếu tố này lại không được đưa vào xem xét. Mặc dù mục đích cuối cùng của bất kỳ hệ thống thuế tài nguyên nào cũng là để đảm bảo lợi ích lớn nhất có thể cho Nhà nước và người dân Việt Nam, nhưng điều này không thể đạt được nếu các mỏ bị buộc phải đóng cửa do không thể hoạt động sinh lời. Điều này cũng sẽ dẫn đến mất đi một nguồn đóng thuế chính cho Nhà nước, mất đi cơ hội việc làm và cung ứng dịch vụ cho những vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nhất tại Việt Nam.

4.2. Sự thiếu nhất quán trong cách hiểu giữa các bộ ngành trung ương và địa phương

Hiện nay vẫn còn sự thiếu nhất quán trong cách hiểu về thuế tài nguyên, thuế, phí bảo vệ môi trường, chất lượng sản phẩm và những vấn đề liên quan đến thuế khai khoáng giữa cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương và địa phương, và giữa các bộ như Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Tài chính. Cần có sự hỗ trợ cấp thiết từ Chính phủ trong việc định hướng ngành công nghiệp khai khoáng và sự phối hợp giữa các ban ngành của Chính phủ, để những nhà đầu tư FDI và những nhà đầu tư mạnh trong nước tin tưởng hơn với các chính sách khoáng sản của Việt Nam.

5. Kết luận

Nhóm Công tác Khoáng sản kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ, với sự phối hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề:

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về khoáng sản để đưa ra chế độ tăng tính cạnh tranh, thân thiện với nhà đầu tư, bao gồm việc xây dựng các mức thuế hợp lý, công bằng cho cả Chính Phủ lẫn nhà đầu tư, đảm bảo tính nhất quán, ổn định lâu dài của các chính sách về khai thác khoáng sản.
- Tăng cường hợp tác hiệu quả hơn giữa các bộ và ban ngành của Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Tài chính cấp trung ương và địa phương để thống nhất cách hiểu về các quy định liên quan đến ngành khai khoáng tại Việt Nam, hiểu rõ ích lợi của FDI, các quy trình và điều kiện khuyến khích đầu tư để thu hút FDI.

